

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - NGHỆ AN
Bản án số: 23/2025/DS - ST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 15/9/2025

Về việc: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Huy.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Hữu

Bà Phan Thị Hoè

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên; thư ký TAND khu vực 4 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Phương Quỳnh; Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 03/2025/TLST- DS ngày 09 tháng 7 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hồ Trọng T, sinh năm 1947 (Có mặt)

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn T, xã Q (xã M cũ), tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã Q (xã Q cũ), tỉnh Nghệ An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hồ Trọng T: Bà Nguyễn Thị L, Luật sư Công ty L1 (Có mặt).

Bị đơn: 1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964 (Có mặt).

2. Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1998 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Khố T, phường Q (phường Q cũ), tỉnh Nghệ An.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Hồ Thị M, sinh năm 1954 (Vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt).

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn P, xã Q (xã M cũ), tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã Q (xã Q cũ), tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (ông Hồ Trọng T) trình bày:

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (âm lịch), tức ngày 28 tháng 7 năm 2022 (dương lịch) ông có cho anh Nguyễn Thành Đ, bà Nguyễn Thị N vay số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn), thời hạn vay là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký giấy vay tiền. Lãi suất do hai bên tự thỏa thuận miệng với nhau không ghi vào giấy vay. Mục đích vay tiền: Đáo hạn ngân hàng. Việc vay tiền được lập thành giấy vay tiền, cuối giấy vay tiền có chữ ký, chữ viết của bên người cho vay ông Hồ Trọng T và chữ ký, chữ viết bên người vay tiền là bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thành Đ. Đến nay, bà N, anh Đ đã trả được cho ông số tiền: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi suất tính đến ngày 30/10/2023. Số tiền bà N, ông Đ còn nợ vợ chồng ông là: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Ngày 04 tháng 02 năm 2023 (Dương lịch), ông tiếp tục cho anh Nguyễn Thành Đ, bà Nguyễn Thị N vay số tiền: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng chẵn), thời hạn vay là 25 (hai mươi lăm) ngày kể từ ngày ký giấy vay tiền. Lãi suất do hai bên tự thỏa thuận miệng với nhau. Mục đích vay: dịch vụ đáo hạn ngân hàng cho khách. Việc vay tiền được lập thành giấy vay tiền, cuối giấy vay tiền có chữ ký, chữ viết của người cho vay là ông Hồ Trọng T và chữ ký, chữ viết bên người vay tiền là bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thành Đ. Khoản nợ trên, bà N và anh Đ chưa trả cho ông khoản tiền gốc và tiền lãi suất nào.

Như vậy tổng số tiền mà bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thành Đ còn nợ ông là: 1.400.00.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) tiền gốc.

Hết thời thời hạn vay tiền nêu trên mặc dù ông đã nhiều lần liên hệ với bà N, anh Đ nhưng bà N, anh Đ vẫn không trả cho ông thêm được khoản tiền nào.

Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Thành Đ trả cho ông tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 15/9/2025 là: 1.755.240.000 đồng (Một tỷ bảy trăm năm mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng), cụ thể như sau:

Ông yêu cầu bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thành Đ trả nợ số tiền còn nợ là số tiền gốc 1.400.000.000đ (một tỷ bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi suất tính đến ngày 15/9/2025:

+ Số tiền lãi của 400.00.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) tính từ ngày 20/02/2023 đến ngày 15/9/2025 là 102.366.667đ (Một trăm linh hai triệu chín trăm nghìn đồng).

+ Số tiền lãi của 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng chẵn) tính từ ngày 01/03/2023 (dương lịch) đến ngày 15/9/2025 là 252.873.333 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu tám trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn (bà Nguyễn Thị N) trình bày: Bà thừa nhận, ngày 30 tháng 6 năm 2022 (âm lịch), tức ngày 28 tháng 7 năm 2022 (dương lịch), bà có nhờ anh Nguyễn Thành Đ là con ruột của bà chở bà đến nhà ông Hồ Trọng T, bà Hồ Thị M vay số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn), thời hạn vay là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký giấy vay tiền. Lãi suất do hai bên tự thỏa thuận miệng với nhau. Mục đích vay tiền: Đáo hạn ngân hàng. Khi vay tiền hai bên có lập “Giấy vay tiền” do bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thành Đ ký vào phía dưới dòng chữ “Người vay tiền”. Giấy vay tiền do bà M đưa cho bà điền các thông tin (viết mực màu xanh). Từ khi vay khoản tiền trên, bà đã trả được cho vợ chồng ông T, bà M số tiền gốc là: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi suất đến ngày 30/10/2023. Số tiền bà còn nợ ông T, bà M số tiền gốc là: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Anh Đ chỉ đi cùng mẹ, không liên quan gì đến việc vay nợ giữa bà và ông T, bà M. Anh Đ chỉ là người làm chứng trong vụ án.

Năm 2022, bà tiếp tục có vay của ông T 02 lần số tiền 1.780.000.000đ (Một tỷ bảy trăm tám mươi triệu đồng). Bà đã trả cho ông T số tiền gốc là 780.000.000đ (Bảy trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi suất đến ngày 04/02/2023. Đến ngày 04 tháng 02 năm 2023 (Dương lịch), bà và ông T chốt sổ sách vay nợ, bà còn nợ ông T số tiền: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng chẵn), và hạn là 25 (hai mươi lăm) ngày kể từ ngày ký giấy vay tiền sẽ trả toàn bộ tiền gốc và tiền lãi suất cho ông T đầy đủ. Lãi suất do hai bên tự thỏa thuận miệng với nhau. Mục đích vay: dịch vụ đáo hạn ngân hàng cho khách. Cuối giấy vay tiền có chữ ký, chữ viết của người cho vay là ông Hồ Trọng T và chữ ký, chữ viết bên người vay tiền là bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thành Đ. Anh Đ chỉ chở đi cùng mẹ đến nhà ông T và bà M để vay tiền cũng không liên quan gì đến việc vay nợ trên. Khoản nợ trên, bà chưa trả cho vợ chồng ông T được khoản tiền gốc và tiền lãi suất nào. Tổng số tiền gốc mà bà còn nợ vợ chồng ông T là: 1.400.00.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng).

Hiện nay ông Hồ Trọng T yêu cầu bà và anh Nguyễn Thành Đ trả cho vợ chồng ông T tổng số tiền gốc và tiền lãi là: 1.755.240.000 đồng (Một tỷ bảy trăm năm mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng), thì bà không đồng ý trả số tiền trên. Bà chỉ đồng ý trả cho ông T tiền gốc là 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Bà không đồng ý trả tiền lãi suất như yêu cầu cho ông T vì hiện nay gia đình bà làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn không thể trả nợ thêm tiền lãi cho ông T được. Bà đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp của hai bên theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn (anh Nguyễn Thành Đ) trình bày: Ngày 30/6/2022 và ngày 04/2/2023, mẹ anh là bà Nguyễn Thị N có nhờ anh chở mẹ đến nhà ông Hồ Trọng T và bà Hồ Thị M để vay tiền. Nội dung vay tiền thì như nội dung bà N đã trình bày nói trên. Ông T và bà M có nói anh ký vào giấy vay tiền để tạo niềm tin cho mẹ anh (bà N) vay tiền nên anh tin tưởng và ký vào giấy vay tiền. Anh chỉ chở đi cùng mẹ đến nhà ông T và bà M để vay tiền, không liên quan gì đến việc vay nợ trên.

Hiện nay, ông T khởi kiện yêu cầu anh và bà N trả cho ông T tổng số tiền gốc và tiền lãi suất là 1.755.240.000 đồng (Một tỷ bảy trăm năm mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) thì anh không đồng ý trả khoản tiền trên. Anh chỉ là người làm chứng về việc vay nợ của ông T và bà N, anh không liên quan đến việc vay nợ trên. Anh đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp của hai bên theo quy định của pháp luật

Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Hồ Thị M) trình bày: Vợ chồng bà có quen biết làm ăn trước đây nhiều năm với vợ chồng bà Nguyễn Thị N. Bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ của anh Nguyễn Thành Đ. Ngày 30/6/2022 (âm lịch) tức ngày 28/8/2022 (dương lịch), vợ chồng bà có cho bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thành Đ vay số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Toàn bộ số tiền vay trên là tài sản chung của vợ chồng bà. Tính đến thời điểm hiện nay, bà N và anh Đ còn vay vợ chồng bà 02 khoản vay gồm: Ngày 30/6/2022 (âm lịch) tức ngày 28/8/2022 (dương lịch) vay số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng); Ngày 04/02/2023 tiếp tục cho bà N, anh Đ vay số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng)

Khi cho vay tiền hai bên có lập Giấy vay tiền lập ngày 30/6/2022 (âm lịch) và Giấy vay tiền ngày 04/02/2023 (dương lịch).

Thời hạn trả tiền đối với khoản vay số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) 30 ngày tính từ ngày cho vay (28/8/2022). Thời hạn trả tiền đối với khoản vay 1000.000.000đ (Một tỷ đồng) là 25 ngày, kể từ ngày 04/02/2023 bà N và anh Đ phải trả cho vợ chồng bà toàn bộ số tiền gốc và lãi suất đầy đủ.

Sau khi vay bà N và anh Đ đã trả cho vợ chồng bà số tiền gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi suất đến ngày 30/12/2022 (âm lịch) tức ngày 21/01/2023 dương lịch đối với khoản vay 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), ngày 30/6/2022 Âm lịch. Còn khoản vay số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) thì bà N và anh Đ chưa trả cho ông bà số tiền gốc và lãi suất nào.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thành Đ trả cho vợ chồng tôi số tiền nợ gốc là: 1.400.00.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) và số tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng N1 công bố là: 0,83 %/tháng đến

ngày 15/9/2025 tổng số tiền 332.900.000đ (Ba trăm ba mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng), cụ thể:

- Số tiền lãi của 400.00.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) tính từ ngày 20/02/2023 đến ngày 15/9/2025 là 102.366.667đ (Một trăm linh hai triệu chín trăm nghìn đồng).

- Số tiền lãi của 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng chẵn) tính từ ngày 01/03/2023 (dương lịch) đến ngày 15/9/2025 là 252.873.333 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu tám trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng)

Tổng số tiền gốc và lãi suất là 1.755.240.000 đồng (Một tỷ bảy trăm năm mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng)

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Nghệ An phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 357; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về lãi suất. Điểm đ, khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Thành Đ phải trả cho ông Hồ Trọng T tổng số tiền nợ gốc và lãi suất tạm tính đến ngày 15/9/2025 là 1.755.240.000 đồng (Một tỷ bảy trăm năm mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng). (Trong đó tiền gốc là 1.400.00.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) và số tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng N1 công bố là: 0,83 %/tháng tính đến ngày 15/9/2025 tổng số tiền 355.240.000đ (Ba trăm năm mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Về án phí: Miễn án phí Dân sự cho bà Nguyễn Thị N. Anh Nguyễn Thành Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Thành Đ có nơi cư trú tại Khố T, phường Q (phường Q cũ), tỉnh Nghệ An, vì vậy theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh Nguyễn Thành Đ trình bày anh không vay tiền của ông T chỉ là người làm chứng trong vụ án không liên quan đến việc vay nợ với ông T. Tuy nhiên tại các giấy vay tiền đều thể hiện người vay tiền là anh Nguyễn Thành Đ và anh Đ cũng đã thừa nhận đã ký nhận vào các giấy tờ vay đó không có ai ép buộc gì. Do đó Hội đồng xét xử xác định anh Đ tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn chứ không phải là người làm chứng.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu, hợp đồng không có thời hạn trả nợ nên căn cứ Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu trong vụ án này.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi suất tạm tính đến ngày 15/9/2025 là 1.755.240.000 đồng (Một tỷ bảy trăm năm mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng). (Trong đó tiền gốc là 1.400.00.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) và số tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng N1 công bố là: 0,83 %/tháng đến ngày 15/9/2025 tổng số tiền 355.240.000đ (Ba trăm năm mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Giấy vay tiền lập ngày 30/6/2022 (âm lịch) và Giấy vay tiền ngày 04/02/2023 (dương lịch). Nội dung Giấy vay tiền lập ngày 30/6/2022 (âm lịch) có thể hiện bà N, anh Đ có vay ông Hồ Trọng T số tiền gốc là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Giấy tờ vay xác định thời hạn trả là 30 ngày kể từ ngày vay, không ghi lãi suất vay.

Nội dung Giấy vay tiền lập ngày 04/02/2023 (dương lịch) có thể hiện bà N, anh Đ có vay ông Hồ Trọng T số tiền gốc là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Giấy tờ vay xác định thời hạn trả là 25 ngày kể từ ngày vay, không ghi lãi suất vay

Bị đơn bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Thành Đ cũng đã thống nhất ký vào giấy vay nợ đều thống nhất và đã thừa nhận trực tiếp ký vào các giấy vay tiền và cam kết tự

nguyện ký không ai ép buộc cả. Anh Nguyễn Thành Đ trình bày mẹ anh là người vay, nhận tiền anh không vay tiền của ông T chỉ ký làm chứng cho hai bên vay tiền với nhau. Tuy nhiên tại các giấy vay tiền thì bên vay tiền đều thể hiện người vay tiền là bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thành Đ. Bà N anh Đ đều thống nhất và tự nguyện ký vào các giấy vay tiền đó, anh Đ cũng không đưa ra bất kỳ tài liệu chứng cứ nào chứng minh mình chỉ là người làm chứng cho mẹ anh vay tiền cả. Do đó Hội đồng xét xử xác định người vay tiền của ông T theo các giấy vay tiền là bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Thành Đ

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T trình bày bà N, anh Đ đã trả cho ông số tiền gốc là 100.000.000đ và tiền lãi suất đã trả đến ngày 30/10/2023 theo Giấy vay tiền lập ngày 30/6/2022 (âm lịch). Theo Giấy vay tiền lập ngày 04/02/2023 (dương lịch) thì bà N, anh Đ chưa trả được khoản tiền gốc và lãi suất nào. Bà N, anh Đ cũng thừa nhận đã trả cho ông T tiền gốc là 100.000.000đ và tiền lãi suất đã trả đến ngày 30/10/2023 theo Giấy vay tiền lập ngày 30/6/2022 (âm lịch). Theo Giấy vay tiền lập ngày 04/02/2023 (dương lịch) thì chưa trả được khoản tiền gốc và lãi suất nào.

Anh Đ, bà N đều trình bày vay ông T với lãi suất 28%/năm ông T không thừa nhận khoản lãi suất này chỉ thừa nhận vay có lãi suất thỏa thuận bằng miệng, bà N, anh Đ cũng không có chứng cứ nào chứng minh cho việc trả lãi suất 28%/năm.

Do đó Hội đồng xét xử xác định đây các hợp đồng trên là hợp đồng vay có lãi nhưng không xác định được lãi suất. Khi xem xét Hợp đồng thì các bên chưa thực hiện xong quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận nên được xem đây là hợp đồng đang được thực hiện. Do đó cần nên áp dụng điểm c, mục 1 điều 2 nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để tính lãi suất cho các bên.

Qua nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử xác định: Ngày 30/6/2022 (âm lịch) bà N, anh Đ có vay ông Hồ Trọng T số tiền gốc là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Giấy tờ vay xác định thời hạn trả là 30 ngày kể từ ngày vay không ghi lãi suất vay.

Ngày 04/02/2023 (dương lịch) bà N, anh Đ tiếp tục vay ông Hồ Trọng T số tiền gốc là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Giấy tờ vay xác định thời hạn trả là 25 ngày kể từ ngày vay không ghi lãi suất vay.

Sau đó bà N, anh Đ đã trả cho ông T tiền gốc là 100.000.000đ và tiền lãi suất đã trả đến ngày 30/10/2023 theo Giấy vay tiền lập ngày 30/6/2022 (âm lịch).

Hiện nay, bà N, anh Đ còn nợ ông T số tiền gốc là 1.400.000.000đ.

Việc bị đơn không trả số tiền gốc và tiền lãi là xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại các Điều 471, 473, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì vậy, Ông T yêu cầu bà N, anh Đ phải trả cho bà số tiền nợ gốc còn lại 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi suất chậm thanh toán đối với số tiền 400.00.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) tính từ ngày 20/02/2023 đến ngày 15/9/2025. Tiền lãi suất chậm thanh toán đối với số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng chẵn) tính từ ngày 01/03/2023 (dương lịch) đến ngày 15/9/2025 là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Xét yêu cầu của ông Hồ Trọng T yêu cầu bà N, anh Đ trả tiền lãi suất chậm thanh toán Hội đồng xét xử nhận định như sau: Theo Giấy vay tiền lập ngày 30/6/2022 (âm lịch) hai bên có thoả thuận vay trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký. Theo Giấy vay tiền lập ngày 04/02/2023 (dương lịch) hai bên có thoả thuận vay trong thời hạn 25 ngày trả kể từ ngày ký. Việc bà N, anh Đ không chịu trả nợ cho ông T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông T yêu cầu bà N, anh Đ trả tiền lãi suất chậm thanh toán là có cơ sở chấp nhận. Ông Hồ Trọng T yêu cầu bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Thành Đ thanh toán cho bà tiền lãi suất chậm thanh toán tính từ ngày 20/02/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm đối với số tiền 400.00.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) và từ ngày 01/03/2023 (dương lịch) đối với số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng chẵn) với mức là 0,83%/tháng là trong phạm vi quy định mức tính lãi suất tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những phân tích đánh giá như trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Thành Đ phải phải trả cho ông Hồ Trọng T số tiền gốc còn lại là 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi suất chậm thanh toán của hai lần vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15/9/2025 là 355.240.000đ (Ba trăm năm mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và lãi suất là 1.755.240.000 đồng (Một tỷ bảy trăm năm mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật. Nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. nên bị đơn bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Thành Đ phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị N là người cao tuổi đã có đơn xin miễn giảm án phí nên miễn tiền án phí cho bà N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điểm c Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 184; Điều 266; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Điều 463; khoản 4 Điều 466; khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về lãi suất. Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng N1 về mức lãi suất cơ bản.

Tuyên xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Trọng T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Thành Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Thành Đ phải trả cho ông Hồ Trọng T số tiền nợ tiền gốc còn lại là 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi suất chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm (15/9/2025) là 355.240.000đ (Ba trăm năm mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và lãi suất là 1.755.240.000 đồng (Một tỷ bảy trăm năm mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

2. Về án phí: Miễn tiền án phí Dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị N.

Anh Nguyễn Thành Đ phải chịu 32.328.000đ (Ba mươi hai triệu ba trăm hai mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hồ Trọng T không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4 – Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Huy